

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2021/DS-PT

Ngày: 06-04-2021

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán thuốc
bảo vệ thực vật, hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Ngọc Hoàng Đình Thục

Các Thẩm phán: Ông Lê Minh Tuấn

Bà Lê Thị Kim Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31 tháng 3 và ngày 06 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2021/TLPT-DS ngày 01 tháng 03 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản là thuốc bảo vệ thực vật và vật tư nông nghiệp, hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 26/2020/DS-ST ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2021/QĐ-PT ngày 09/3/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1964; địa chỉ: Số 159 ấp V, xã T, huyện ĐH, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông R: bà Lê Thị Phương H, sinh năm 1969; địa chỉ: ấp V, xã T, huyện ĐH, tỉnh Long An (theo văn bản ủy quyền ngày 29/10/2020).

- Bị đơn: bà Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 425 Ấp V, xã T, huyện ĐH, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Võ Văn Đ, sinh năm 1978; địa chỉ: ấp V, xã T, huyện ĐH, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ: bà Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 425 Ấp V, xã T, huyện ĐH, tỉnh Long An (theo văn bản ủy quyền ngày 24/3/2021).

- Người kháng cáo: bị đơn Nguyễn Thị Thu H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/9/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ro do bà Lê Thị Phương Hoa đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vợ chồng bà Nguyễn Thị Thu H1, ông Võ Văn Đ mua phân bón thuốc trừ sâu của ông Nguyễn Văn Ro, thỏa thuận hết mùa vụ (4 tháng) trả tiền, nếu kết thúc vụ không trả thì phải trả thêm lãi với mức lãi suất 1,5%/tháng, sau mỗi vụ ông R và vợ chồng bà H1 có thống nhất nhau số tiền nợ. Từ ngày 14/5/2019 đến nay, bà H1 không còn mua phân bón thuốc trừ sâu ở cửa hàng của ông R nữa. Bà H1 còn nợ ông R số tiền 38.808.000 đồng, bà H1 ký nhận nợ và hẹn đến ngày 10/6/2020 sẽ trả đủ, nhưng đến nay vẫn chưa trả.

Do đó, ông R yêu cầu bà H1 và ông Đ liên đới trả cho ông R số tiền làm tròn là 38.800.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 14/5/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (chỉ tính tròn 19 tháng) với mức lãi suất 1,5%/tháng là 11.058.000 đồng, tổng cộng 49.858.000 đồng. Đồng thời, ông R yêu cầu tiếp tục tính lãi trên số nợ gốc 38.800.000 đồng đến khi trả hết nợ.

Tại Bản tự khai ngày 16/11/2020, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1 trình bày:

Bà có mua vật tư nông nghiệp của ông Nguyễn Văn R từ 13/9/2014, nợ ông R 20.000.000 đồng. Khi mua ông R đều có tính lãi. Bà tiếp tục mua những mùa vụ sau, đã trả được 56.447.000 đồng. Tính đến năm 2019, bà đã trả cho ông R được tổng cộng 82.240.000 đồng, ông R nói trước kia là trả tiền lãi, nên không đồng ý xóa nợ. Bà thống nhất còn nợ 38.808.000 đồng như số tiền đã tính sổ với ông R. Tuy nhiên, bà đã trả tiền lãi và gốc cho ông R nhiều lần, nay do mâu thuẫn với ông R, nên bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông R.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn Đ được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt không lý do và không có ý kiến trình bày.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2020/DS-ST ngày 16/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn R đối với bà Nguyễn Thị Thu H1 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Võ Văn Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn R 49.858.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về tiền lãi chậm trả, án phí, quyền, thời hạn kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 23/12/2020, bị đơn Nguyễn Thị Thu H1 nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bà Lê Thị Phương H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định mức lãi suất đã tính cho bà H1 khi chậm thanh toán sau mỗi mùa vụ dao Động từ 1,5%-2%/tháng tùy thuộc vào mức lãi suất bà đi vay Ngân hàng theo từng thời điểm. Nay, bà H yêu cầu bà H1 và ông Đ liên đới trả số tiền 38.800.000 đồng và trả lãi theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1 xác định từ năm 2014 bà bắt đầu mua phân bón thuốc trừ sâu của ông R để làm ruộng. Khi mua bán, hai bên không làm hợp đồng nhưng có mở sổ theo dõi, có thống nhất thỏa thuận thời hạn trả là sau mỗi mùa vụ (04 tháng), nếu chậm trả thì chịu lãi. Đến ngày 14/5/2019, bà có ký xác nhận còn nợ ông R số tiền 38.808.000 đồng. Tuy nhiên, bà H1 cho rằng ông R đã tính lãi suất quá cao, bà mua hàng nhiều lần với số tiền 76.647.000 đồng, “mượn” 1.500.000 đồng, tổng cộng nợ 78.147.000 đồng, nhưng đã trả 82.240.000 đồng nên nay chỉ đồng ý trả ông R số tiền 5.000.000 đồng. Ngoài ra, bà H1 còn cho rằng việc mua bán không liên quan đến ông Võ Văn Đ.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu H1 trong thời hạn luật định đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm. Trong tổng số tiền hai bên đương sự chốt nợ vào ngày 14/5/2019 có số tiền 8.000.000 đồng bà Hà mượn để đóng hui, nên cần bỏ sung quan hệ pháp luật tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Ngoài ra, ông R là chủ hộ kinh doanh Nguyễn Văn R nên cần xác định tư cách nguyên đơn là ông Nguyễn Văn R - chủ hộ kinh doanh Nguyễn Văn R.

Về nội dung kháng cáo: bà H1 thừa nhận có mua phân bón thuốc trừ sâu tại cửa hàng của ông R, đến ngày 14/5/2019 bà đã ký tên xác nhận còn nợ ông R số tiền 38.808.000 đồng nên ông R yêu cầu bà H1 và ông Đ liên đới trả nợ là có căn cứ. Tuy nhiên, sau ngày 14/5/2019, ông R không chứng minh được có thỏa thuận thời hạn trả nợ và việc bà H1 phải trả lãi nếu chậm trả. Do đó, chỉ có căn cứ chấp nhận yêu cầu tính lãi của ông R kể từ ngày ông R đề nghị áp V hòa giải buộc bà H1 trả nợ, mức lãi suất 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà H1, sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu H1 thực hiện đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: ông Nguyễn Văn R khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị Thu H1, ông Võ Văn Đ phải liên đới trả số tiền 38.800.000 đồng và tiền lãi do chậm trả, trong đó bao gồm tiền nợ mua phân bón thuốc trừ sâu và tiền mượn để đóng hui. Tòa án cấp sơ thẩm xác định chỉ có một quan hệ pháp luật tranh chấp về hợp đồng mua bán là sót tranh chấp về hợp đồng vay tài sản (hợp đồng vay tiền), cần sửa phần này của bản án sơ thẩm.

[3] Về xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự: kèm theo đơn khởi kiện, ông R cung cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 50G8.000018/HKD do Phòng Tài chính-Kế hoạch huyện Đức Huệ, tỉnh Long An cấp lần đầu ngày 15/10/2004, đăng ký thay đổi lần 2 vào ngày 24/12/2014 thể hiện cá nhân ông Nguyễn Văn R là người đăng ký hộ kinh doanh Nguyễn Văn R, ngành nghề kinh doanh mua bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật (bút lục số 41). Theo khoản 1 Điều 66 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp thì *“Hộ kinh doanh do một cá nhân hoặc một nhóm người gồm các cá nhân là công dân Việt Nam đủ 18 tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, hoặc một hộ gia đình làm chủ, chỉ được đăng ký kinh doanh tại một địa điểm, sử dụng dưới mười lao động và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh”*. Số tiền ông R tranh chấp có một phần xuất phát từ giao dịch mua bán phân bón thuốc bảo vệ thực vật giữa hộ kinh doanh Nguyễn Văn R và bà H1, ông Đ. Tòa án cấp sơ thẩm không hướng dẫn ông R sửa đổi đơn khởi kiện cho phù hợp, nhưng lại xác định Nguyên đơn trong vụ án là cá nhân ông Nguyễn Văn R là không chính xác, mà cần xác định nguyên đơn là ông Nguyễn Văn R – chủ hộ kinh doanh Nguyễn Văn R.

[4] Về xác định người tham gia tố tụng: trong vụ án này, bà Lê Thị Phương H, là vợ của ông Nguyễn Văn R, xác định mặc dù ông R là người đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nhưng giao dịch mua bán với bà H1 là do bà trực tiếp thực hiện, ghi sổ sách theo dõi. Lẽ ra, cấp sơ thẩm cần đưa bà H tham gia tố tụng, theo quy định tại Điều 29, 33 và 35 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, do đây là giao dịch phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của ông R và bà Hoa tồn tại. Tuy nhiên, bà H là người đại diện theo ủy quyền của ông R tại Tòa án sơ thẩm và phúc thẩm, đồng thời tại phiên tòa phúc thẩm bà H xác định không yêu cầu Tòa án đưa bà tham gia tố tụng.

[5] Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm về những thiếu sót vừa nêu tại mục [2], [3], [4].

[6] Chứng cứ mới do đương sự cung cấp tại cấp phúc thẩm: Bà H1 cung cấp 03 sổ (giấy kẻ sọc caro, kích thước 10.5cm x 7.5cm) theo dõi việc mua vật tư nông nghiệp tại cửa hàng của ông R, bắt đầu từ ngày 13/9/2014 đến vụ Đông Xuân năm 2017, được bà H thừa nhận là chữ viết trong sổ là của bà Hoa ghi.

Về nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu H1

[7] Bà H1 xác định phân bón, thuốc trừ sâu mua để canh tác ruộng của gia đình bà. Bà H1 đã thừa nhận giữa bà và ông R có thỏa thuận thời hạn trả tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu là sau mỗi mùa vụ kết thúc, nếu chậm trả tiền thì phải chịu tiền lãi. Đây là những tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H1 cung cấp 03 cuốn sổ do bà H ghi theo dõi việc mua bán giữa hai bên, bắt đầu từ ngày 13/9/2014 đến vụ Đông Xuân năm 2017, để cho rằng chỉ còn nợ ông R số tiền 5.000.000 đồng. Trình bày này của bà H1 là không có căn cứ, bởi lẽ: trong sổ, ngày cuối cùng các bên giao dịch là ngày 20/6/2017 và cộng số tiền mua hàng đến thời điểm này là 33.967.000 đồng, nếu tính đến ngày 28/4/2018 (ngày bắt đầu trên giấy chốt nợ cuối cùng) thì thời gian chỉ hơn 10 tháng, trong khi đó số tiền nợ cũ được các bên xác định trên giấy chốt nợ lại là 40.000.000 đồng và lãi được tính thời gian 12,5 tháng (12 tháng rưỡi). Trong quá trình hòa giải tại ấp V, quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bà H1 thừa nhận vào ngày 14/5/2019 bà đã ký xác nhận còn nợ ông R số tiền 38.808.000 đồng (bút lục 36, 44, 48), trong đó bao gồm tiền lãi trên số nợ gốc tiền mua phân bón, với mức lãi suất 1,5%/tháng. Bà H1 cho rằng trong số tiền 38.808.000 đồng không có việc bà mượn 8.000.000 đồng để đóng hui, nhưng lại không có chứng cứ chứng minh. Do đó, ông R khởi kiện yêu cầu bà H1 và ông Đ liên đới trả số tiền 38.800.000 đồng (làm tròn số) là có căn cứ, phù hợp với khoản 2 Điều 357, khoản 1 và 3 Điều 440, khoản 1 Điều 468, khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[9] Tuy nhiên, án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu tính lãi của ông R trên số tiền 38.800.000 đồng theo mức lãi suất 1,5%/tháng kể từ ngày 14/5/2019 là không chính xác, bởi lẽ: sau khi chốt nợ vào ngày 14/9/2019, giữa ông R và bà H1, ông Đ không có thỏa thuận về thời hạn thanh toán, nghĩa vụ chịu lãi nếu chậm trả và mức lãi suất. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H yêu cầu tính tiền lãi theo quy định của pháp luật. Xét thấy, theo biên bản hòa giải ghi ngày 13/7/2020 tại Ấp V, bà H1 đã biết được việc ông R yêu cầu vợ chồng bà H, ông Đ trả tiền. Đối chiếu quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu tính lãi của ông R, buộc bà H1 và ông Đ phải trả lãi đối với số tiền 38.800.000 đồng kể từ ngày 13/7/2020 đến ngày 16/12/2020 (ngày xét xử sơ thẩm) theo mức lãi suất 10%/năm. Cụ thể, tiền

lãi là 1.648.999 đồng, được quy tròn là 1.649.000 đồng (= 38.800.000đ x 10%/năm x 05 tháng 3 ngày).

[10] Từ nhận định tại mục [9], Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bà H1, sửa một phần bản án sơ thẩm.

[11] Đề nghị của Kiểm sát viên về tố tụng và về việc chấp nhận một phần kháng cáo của bà H1 là có căn cứ, được chấp nhận.

[12] Các phần khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

[13] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu H1 không phải chịu do kháng cáo được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu H1.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2020/DS-ST ngày 16/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 36, 39, 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 288, 357, 429, 430, 440, 468 và khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, 29, 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm b khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn R là chủ hộ kinh doanh Nguyễn Văn R, đối với bà Nguyễn Thị Thu H1 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Võ Văn Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn R là chủ hộ kinh doanh Nguyễn Văn R số tiền nợ gốc 38.800.000 đồng, tiền lãi 1.649.000 đồng, tổng cộng 40.449.000 đồng (bốn mươi triệu, bốn trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Buộc bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Võ Văn Đ phải liên đới chịu 2.022.450 đồng (hai triệu, không trăm hai mươi hai nghìn bốn trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước.

4.2. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn R số tiền 1.203.048 đồng (một triệu, hai trăm lẻ ba nghìn, không trăm bốn mươi tám đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông R đã nộp theo biên lai thu số 0008842 ngày 30/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu H1 không phải chịu và được hoàn trả 300.000đ tạm ứng án phí bà H1 đã nộp theo biên lai thu số 0008934 ngày 23/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ.

6. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 06/04/2021 (ngày sáu, tháng tư, năm hai ngàn không trăm hai mươi một).

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Ngọc Hoàng Đình Thục

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Ngọc Hoàng Đình Thực

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Ngọc Hoàng Đình Thục